

Bản án số: 59/2018/DS-ST
Ngày: 01-8-2018
V/v: tranh chấp Hợp đồng mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;

2. Ông Cao Châu Tiếp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2018/TLST – DS ngày 17/5/2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1984. Có mặt;

Địa chỉ: ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

* *Bị đơn:*

1/ Anh **Nguyễn Duy P**, sinh năm 1983. Vắng mặt.

2/ Chị **Trần Thị Thanh H**, sinh năm 1988; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim T tại phiên tòa xác định: Chị T là chủ cơ sở nhôm Thuận Phát, anh Nguyễn Duy P có đến cửa hàng của chị để mua cửa nhôm các loại gồm:

- 02 bộ cửa nhôm giá 2.200.000 đồng;

- 03 bộ cửa phòng giá 4.480.000 đồng;

- 01 bộ cửa kéo giá 5.390.000 đồng;

- 01 bộ cửa kéo giá 1.760.000 đồng;

- 01 bộ lam có kiếng giá 1.120.000 đồng;

- 01 bộ lam không kiếng giá 858.000 đồng;

- 01 bộ lam không kiếng giá 733.000 đồng;

- 01 bộ lam không kiếng giá 845.000 đồng.

Tổng thành tiền là 17.786.000 đồng.

Anh P hứa trả tiền cho chị thành 02 lần: ngày 05/11/2017 trả 6.000.000 đồng, ngày 05/12/2017 trả hết số tiền còn lại. Đến hạn anh P không trả tiền và chị Trần Thị Thanh H là vợ của anh P có làm cam kết hứa sẽ cùng với anh P trả cho chị mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Chị H đã trả tiền cho chị được 02 lần với số tiền 4.000.000 đồng vào tháng 02/2018 và tháng 3/2018 sau đó thì ngưng cho đến nay.

Chị T yêu cầu giải quyết: Buộc anh Nguyễn Duy P và chị Trần Thị Thanh H phải trả cho chị số tiền còn lại là 13.786.000 đồng, mỗi tháng 2.000.000 đồng đến ngày 31/10/2018 tất nợ như đã cam kết.

Tài liệu, chứng cứ chị T đã nộp: 01 hóa đơn ngày 22/9/2017, 01 giấy tay giao cửa ngày 12/10/2017 có chữ ký của Nguyễn Duy P, 01 biên nhận nợ ngày 04/01/2018 có chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H (tất cả đều là bản chính).

Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh Nguyễn Duy P và chị Nguyễn Thị Thanh H không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không gửi tài liệu, chứng cứ liên quan việc trả nợ cho chị T.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị Kim T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh P và chị H vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Duy P và chị Nguyễn Thị Thanh H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P và chị H.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ chứng minh:

Chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Duy P và chị Nguyễn Thị Thanh H trả số tiền mua cửa nhôm còn nợ 13.786.000 đồng đến ngày 31/10/2018 phải trả tất nợ và đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy giao nhận cửa có chữ ký của Nguyễn Duy P và biên nhận nợ có chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H.

Giấy giao nhận cửa ngày 12/10/2017 có chữ ký của Nguyễn Duy P thể hiện nội dung: tiệm kiếng Thuận Phát giao cửa sổ, cửa phòng, cửa kéo và lam với tổng số tiền 17.700.000 đồng. Chị T xác định có thỏa thuận nếu anh P trả đúng hạn sẽ bớt 86.000 đồng nên làm tròn số tiền 17.700.000 đồng.

Giấy biên nhận nợ ngày 04/01/2018 có chữ ký của chị Nguyễn Thị Thanh H thể hiện nội dung: chị H cam kết sẽ cùng với anh P trả cho chị T số tiền nợ 17.786.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, bắt đầu trả vào tháng 02/2018 cho đến khi trả hết nợ. Bên dưới nội

dung cam kết có thể hiện 02 lần chị T nhận tiền với mỗi lần là 2.000.000 đồng vào ngày 01/02/2018 và ngày 10/3/2018.

Anh P và chị H đã được giao nhận bản pho to các tài liệu, chứng cứ do chị T giao nộp nhưng không có văn bản phản bác cũng không gửi tài liệu, chứng cứ thể hiện đã thực hiện việc trả nợ tiền hàng cho chị T theo cam kết nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do chị T cung cấp để làm căn cứ giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thấy rằng:

Quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán cửa nhôm giữa chị T và anh P thực tế phát sinh do anh P là bên mua hàng đã nhận được hàng từ bên bán là chị T giao thể hiện bằng giấy giao nhận hàng ngày 12/10/2017, anh P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ.

Anh P là người vi phạm nghĩa vụ của bên mua nên vợ của anh là chị Nguyễn Thị Thanh H đã cam kết cùng có trách nhiệm trả tiền cho chị T theo phương thức trả dần mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 17.786.000 đồng, được chị T đồng ý. Sau khi cam kết chị H thực hiện việc trả tiền cho chị T được 02 tháng với tổng số tiền 4.000.000 đồng thì ngưng nên đã vi phạm nghĩa vụ theo cam kết.

Theo các tài liệu, chứng cứ chị T cung cấp xác định hiện chị H và anh P còn nợ lại số tiền hàng chưa trả là 13.786.000 đồng nên chị T yêu cầu anh P và chị H trả tiền hàng còn nợ đến ngày 31/10/2018 phải tất nợ theo cam kết là hoàn toàn có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận cần buộc anh P, chị H trả cho chị T số tiền 13.786.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh P và chị H là bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền buộc trả 13.786.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T.

Buộc anh Nguyễn Duy P và chị Trần Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền 13.786.000 đồng, hạn cuối trả tất nợ vào ngày 31/10/2018.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị H và anh P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Chị H và anh P phải chịu 689.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 344.000 đồng theo biên lai thu tiền số 01545 ngày 16/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Quyền kháng cáo:

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Anh P và chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT